

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 652/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã PĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Q, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã PĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 và đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 15/11/2019 nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn Q kết hôn năm 1990 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh Q thường hay uống rượu về nhà đánh đập chị; anh Q không chăm lo cho gia đình làm cho cuộc sống của chị gặp nhiều khó khăn. Nay chị xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên quyết định xin ly hôn với anh Q.

Quá trình chung sống chị và anh Q có 02 con chung tên Huỳnh Chí A, sinh năm 1993 và Huỳnh Thị N, sinh năm 1995, hai con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung chị T khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Q đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị T vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Q là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh Q thường hay uống rượu về nhà đánh đập chị; anh Q không chăm lo cho gia đình và yêu cầu xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đã biết chị T kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh Q không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị T đặt ra. Tuy nhiên, chị T với anh Q tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị T, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh Q không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Huỳnh Chí A, sinh năm 1993 và Huỳnh Thị N, sinh năm 1995. Anh chị xác định hai con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị T với anh Huỳnh Văn Q là vợ chồng.

2. Án phí hôn nhân gia đình chị T phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002473 ngày 03/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên